

CHI CỤC KIỂM LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
Chương 412

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 13/QĐ-CCKL ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: 1.000 đ

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	-
1.2	Phí	-
2	Chi từ nguồn thu được để lại	-
2.1	Chi sự nghiệp	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-
2.2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
3	Số phí, lệ phí và thu khác nộp NSNN	-
1.1	Lệ phí	-
1.2	Phí	-
B	Dự toán chi Ngân sách nhà nước	54,621,000
I	Chi quản lý hành chính (Chương 412 - Loại 340 - Khoản 341)	35,844,000
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	18,753,000
	- Chi cho con người	13,776,000
	Trong đó: + Biên chế công chức (69 người)	
	+ Biên chế chưa tuyển (01 người)	
	+ Theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng của biên chế công chức (70 người) biên chế công chức theo kế hoạch: 70 người	8,989,000
	+ Nhu cầu tăng lương cơ sở (từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng) (Nguồn cải cách tiền lương (CCTL) ngân sách Thành phố (NSTP))	4,787,000
	- Chi hoạt động (70 người)	4,977,000
	Trong đó: Kinh phí chi cho thi đua khen thưởng	110,000

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm
1	2	3
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	17,091,000
2.1	Chi từ nguồn CCTL	13,507,000
2.1.1	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số: 08/2023/NQ-HĐND	12,711,000
	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành (Nguồn CCTL Ngân sách Thành phố)	12,711,000
	Trong đó: + Biên chế công chức	12,387,000
	+ Hợp đồng 111/2022/NĐ-CP thực hiện công tác hỗ trợ, phục vụ (03 triệu đồng/người/tháng)	324,000
2.1.2	Quỹ tiền thưởng	796,000
	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	796,000
2.2	Chi từ nguồn ngân sách Thành phố	3,584,000
	- Trợ cấp Tết	
	- Phụ cấp thâm niên, phụ cấp nghề Kiểm lâm	1,917,000
	- Nước sinh hoạt 02 Trạm Kiểm lâm	43,000
	- Đồng phục, trang phục	328,000
	- Kinh phí ISO	13,000
	- Mua sắm tài sản cố định (08 máy điều hòa nhiệt độ), trong đó: + Công suất 2 HP (02 máy): 36 triệu đồng + Công suất 1 HP (06 máy): 65 triệu đồng	101,000
	- Sửa chữa tài sản cố định	1,182,000
	+ Sửa chữa xe ô tô chuyên dùng phục vụ công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC) rừng, phòng chống thiên tai; Kiểm tra, kiểm soát lâm sản; truy xuất nguồn gốc lâm sản	207,000
	+ Sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên hàng năm 12 phương tiện thủy phục vụ công tác bảo vệ rừng	324,000
	+ Nạo vét luồng rạch ụ bảo quản ghe, ca nô các Trạm Kiểm lâm Gò Da, Tân An, Lý Nhơn và Hạt Kiểm lâm Cần Giờ	144,000
	+ Sửa chữa máy bơm nước, thiết bị chữa cháy rừng của Hạt Kiểm lâm Củ Chi, Cần Giờ và Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng.	9,000
	+ Sửa chữa Trụ sở làm việc và công trình phụ - Trạm Cứu hộ động vật hoang dã	305,000
	+ Chống dột trụ sở làm việc, chống ngập sân trước Hạt Kiểm lâm Củ Chi	193,000

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm
1	2	3
II	Kinh phí không tự chủ sự nghiệp kinh tế nông - lâm - thủy lợi (Chương 412 - Loại 280 - Khoản 282)	18,777,000
1	Các nghiệp vụ thường xuyên	3,522,000
	- Trục phòng cháy rừng 6 tháng	1,232,000
	- Tổ chức kiểm tra định kỳ về công tác bảo vệ; phòng cháy chữa cháy rừng của Ban chỉ huy cấp Thành phố	12,000
	- Cảnh báo cháy rừng trên Đài truyền hình	27,000
	- Chi phí chữa cháy rừng	22,000
	- Khen thưởng công tác bảo vệ, PCCC rừng	12,000
	- Hội nghị tổng kết công tác bảo vệ rừng cấp Thành phố	54,000
	- Theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp	97,000
	- Chi phí cứu hộ động vật hoang dã	801,000
	- Sửa, sơn bảng tuyên truyền bảo vệ, PCCC rừng và bảng quy ước trong cộng đồng dân cư	175,000
	- Tập huấn nghiệp vụ Kiểm lâm	23,000
	- Hội nghị tỉnh giáp ranh Bà Rịa - Vũng Tàu và TP.HCM	9,000
	- Tham gia lớp huấn luyện chữa cháy do CATP tổ chức	60,000
	- Tham gia lớp tập huấn vũ khí, công cụ hỗ trợ	90,000
	- Đào tạo tài công điều khiển ca nô	26,000
	- Nhiên liệu công tác bảo vệ và PCCC rừng	628,000
	- Chi phí hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản	254,000
2	Các Chương trình	629,000
	- Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản (QĐ 1305/QĐ-UBND ngày 15/4/2021)	194,000
	- Chương trình quản lý phát triển Cá sấu và động vật hoang dã (QĐ 895/QĐ-UBND ngày 15/3/2021)	352,000
	- Chương trình quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng (QĐ 1886/QĐ-UBND ngày 21/5/2021)	83,000
3	Thực hiện nhiệm vụ lâm nghiệp	14,626,000

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm
1	2	3
	- Trồng cây phân tán	6,300,000
	- Trồng cây Lễ 19/5	585,000
	- Tổng kết Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản và Xây dựng "Chương trình quản lý lâm sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030"	27,000
	- Tổng kết Chương trình quản lý, phát triển Cá sấu và động vật hoang dã và Xây dựng "Chương trình quản lý, phát triển động vật hoang dã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030"	27,000
	- Tổng kết Chương trình Quản lý bảo vệ rừng và Phòng cháy, chữa cháy rừng và Xây dựng "Chương trình Quản lý bảo vệ rừng và Phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2026-2030"	27,000
	- Đề án "Xây dựng, theo dõi, cập nhật thường xuyên dữ liệu về đa dạng sinh học"	90,000
	- Đề án "Đánh giá chất lượng và khả năng hấp thụ, lưu giữ cacbon từ rừng"	180,000
	- Kế hoạch Điều tra rừng trên địa bàn TP. HCM	7,390,000